

Số: **285/2020/QĐST-HNGĐ**

*Quận Hai Bà Trưng, ngày 07 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149; Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 459/2020/TLST-VHNGĐ ngày 28/7/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**Chị Phạm Thanh H**, sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: 303 – B6 P, phường O, quận I, thành phố HN; Nơi ở hiện nay: Số 27 U, phố Y, phường O, quận I, thành phố HN.

**Anh Nguyễn Phương N**; sinh năm 1963; Nơi ĐKKHKT: 303 – B6 P, phường O, quận I, thành phố HN; Nơi ở hiện nay: Số 27 U, phố Y, phường O, quận I, thành phố HN.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Phương N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/1992 tại UBND phường O, quận I, thành phố HN. Trước khi kết hôn anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn anh chị ở tại số Số 27 U, phố Y, phường O, quận I, thành phố HN, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Đến nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 30/7/2020, Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng chị H và anh N không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận với nhau về các nội dung: tài sản, vay nợ, nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự như được ghi nhận tại Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản lập ngày 30/7/2020.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị H và anh N được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con và chia tài sản lập ngày 30/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Phương N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Phương N xác nhận có hai con chung là Nguyễn Hiền P, sinh ngày: 19/11/1992 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày: 18/11/2001, hiện nay sức khỏe hai con bình thường, đã trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Khi ly hôn chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Tòa án không xem xét.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Phạm Thanh Huyền và anh Nguyễn Phương Nam tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về vay nợ chung: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Phương N xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**2.** Về lệ phí: Chị Phạm Thanh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003800 ngày 28/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận I.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **\* Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận I;
- UBND phường O, quận I, thành phố HN (số 905, quyền 06/1992, ngày 09/01/1992);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lương Thị Thu Hà**

